UBND TỈNH LẠNG SƠN **SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:446/BC-SVHTTDL	*Lạng Sơn, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

BÁO CÁO
Rà soát các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế

(Thay thế Báo cáo số 415/BC-SVHTTDL ngày 31/8/2026 của Sở VHTTDL tỉnh)

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện Công văn số 7474/VP-KTTH ngày 16/8/2026 của Văn phòng UBND tỉnh về việc rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí, lệ phí (theo chỉ đạo của đồng chí Đoàn Thanh Sơn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh); trên cơ sở Báo cáo số 746/BC-STC ngày 05/8/2026 của Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp tiến hành rà soát các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch và đã báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 415/BC-SVHTTDL ngày 31/8/2026.

Tiếp thu ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 8401/VP-KGVX ngày 11/9/2026, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát, bổ sung nội dung đối với Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 và xây dựng Báo cáo này thay thế Báo cáo số 415/BC-SVHTTDL ngày 31/8/2026. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

I. CƠ SỞ RÀ SOÁT

1. Cơ sở pháp lý

Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026). Theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, bao gồm: Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017, Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 và Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024. Cả 03 Nghị quyết đều dẫn chiếu Nghị định số 120/2016/NĐ-CP hoặc Nghị định số 82/2023/NĐ-CP làm căn cứ pháp lý ban hành hoặc dẫn chiếu nội dung quy định.

Việc rà soát và xác định hình thức xử lý được thực hiện theo: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (khoản 4 và khoản 6 Điều 8); Nghị

định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 41); Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

2. Cơ sở thực tiễn

Việc thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp đã làm thay đổi tên gọi đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, ảnh hưởng trực tiếp đến phạm vi điều chỉnh của một số Nghị quyết (cụ thể: Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND quy định phạm vi điều chỉnh gồm các địa danh hành chính không còn phù hợp).

3. Các nội dung được rà soát, bổ sung tại Báo cáo này

Công văn số 8401/VP-KGVX ngày 11/9/2026 của Văn phòng UBND tỉnh chỉ nêu ý kiến đối với Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND, yêu cầu bổ sung 03 nội dung:

(1) Làm rõ việc thay đổi cơ bản về chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết (đối chiếu điểm a khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).

(2) Thống kê số điều dự kiến sửa đổi, bổ sung so với tổng số điều của Nghị quyết (đối chiếu điểm b khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025).

(3) Thể hiện việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 2783/STP-NVI.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

a) Tóm tắt nội dung Nghị quyết

Nghị quyết quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Mức thu: từ 10.000 đồng đến 80.000 đồng/thẻ/năm tùy theo loại thẻ và đối tượng. Tỷ lệ phí để lại: 90% cho đơn vị tổ chức thu (Thư viện tỉnh Lạng Sơn- đơn vị sự nghiệp công lập), 10% nộp ngân sách nhà nước.

Kết cấu Nghị quyết gồm 03 điều: Điều 1 quy định phạm vi điều chỉnh (khoản 1), đối tượng thu phí (khoản 2), mức thu phí (khoản 3), đối tượng được giảm, miễn phí (khoản 4) và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại (khoản 5); Điều 2 thay thế Nghị quyết số 121/2013/NQ-HĐND ngày 31/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn; Điều 3 giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

b) Tình hình thực hiện

Kết quả thực hiện Nghị quyết từ khi có hiệu lực (24/7/2017) đến hết 6

tháng đầu năm 2026 như sau:

- Về cấp thẻ bạn đọc: Lũy kế đến hết 6 tháng đầu năm 2026, Thư viện tỉnh đã cấp tổng cộng 5.911 thẻ, trong đó 949 thẻ cho người lớn và 4.962 thẻ cho trẻ em dưới 16 tuổi[1].

- Về kết quả thu phí: Tổng số thu phí từ năm 2017 đến hết 6 tháng đầu năm 2026 đạt **72.080.000** đồng[2]. Số thu cao nhất là năm 2019 (10.730.000 đồng), thấp nhất là năm 2021 (4.940.000 đồng); bình quân giai đoạn 2017-2025 khoảng 7.413.000 đồng/năm.

- Về quản lý, sử dụng số tiền phí được để lại: Tổng số thu phí từ năm 2017 đến hết 6 tháng đầu năm 2026 đạt **72.080.000** đồng. Đã trích nộp ngân sách nhà nước (10%) lũy kế **7.288.000** đồng; trích để lại đơn vị (90%) lũy kế **64.792.000** đồng. Tổng số đã chi từ nguồn để lại đơn vị (giai đoạn 2017-2025) là **59.968.000** đồng, gồm: chi cho các hoạt động nghiệp vụ (đồng phục, trang phục, ấn chỉ...) với chi phí **31.700.000** đồng; chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản cố định là **28.268.000** đồng.

- Số liệu thu, chi 03 năm trước liền kề (phục vụ việc xác định tỷ lệ để lại theo điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP):

Năm	Tổng số thu phí (đồng)	Nộp ngân sách nhà nước (đồng)	Số được để lại (đồng)	Số đã chi từ nguồn để lại (đồng)
Năm 2023	7.100.000	710.000	6.390.000	6.390.000
Năm 2024	4.900.000	490.000	4.410.000	4.410.000
Năm 2025	6.620.000	742.000	5.878.000	5.878.000
Cộng	**18.620.000**	**1.942.000**	**16.678.000**	**16.678.000**

- Nhận xét: mức thu quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và khả năng chi trả của người dân; việc áp dụng mức thu thấp đã góp phần khuyến khích người dân, đặc biệt là học sinh, thiếu nhi đến thư viện (thẻ trẻ em dưới 16 tuổi chiếm 83,9% tổng số thẻ đã cấp). Công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng phí được thực hiện công khai, minh bạch; số tiền phí được để lại đã sử dụng hết hằng năm, đúng nội dung chi phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ và thu phí.

c) Các vấn đề phát hiện qua rà soát

Việc rà soát được thực hiện theo quy định tại các Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Kết quả cụ thể như sau:

(i) Về căn cứ pháp lý ban hành. Nghị quyết được ban hành căn cứ: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (đã được thay thế bởi Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025); Nghị định số 120/2016/NĐ-CP

[1] Về cấp thẻ bạn đọc: năm 2017 cấp 720 thẻ (86 người lớn, 634 trẻ em); năm 2018 cấp 780 thẻ (106 người lớn, 674 trẻ em); năm 2019 cấp 904 thẻ (127 người lớn, 777 trẻ em); năm 2020 cấp 665 thẻ (102 người lớn, 563 trẻ em); năm 2021 cấp 372 thẻ (86 người lớn, 286 trẻ em); năm 2022 cấp 521 thẻ (107 người lớn, 414 trẻ em); năm 2023 cấp 556 thẻ (112 người lớn, 444 trẻ em); năm 2024 cấp 424 thẻ (42 người lớn, 382 trẻ em); năm 2025 cấp 528 thẻ (104 người lớn, 424 trẻ em); 6 tháng đầu năm 2026 cấp 441 thẻ (77 người lớn, 364 trẻ em). .

[2] Trong đó: năm 2017: 8.420.000 đồng; năm 2018: 9.220.000 đồng; năm 2019: 10.730.000 đồng; năm 2020: 8.090.000 đồng; năm 2021: 4.940.000 đồng; năm 2022: 6.700.000 đồng; năm 2023: 7.100.000 đồng; năm 2024: 4.900.000 đồng; năm 2025: 6.620.000 đồng; 6 tháng đầu năm 2026: 5.360.000 đồng.

ngày 23/8/2016 (đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP); Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính - đã được thay thế bởi Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019.

Theo khoản 2 Điều 39 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, đây là căn cứ để tiến hành rà soát Nghị quyết. Việc văn bản làm căn cứ ban hành hết hiệu lực, tự nó, không đương nhiên làm phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết; hình thức xử lý chỉ được đề xuất trên cơ sở các nội dung cụ thể nêu tại các điểm (ii) đến (vii) dưới đây.

(ii) Về đối tượng được để lại tiền phí. Theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP, phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước thực hiện phải được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước; việc xác định tỷ lệ để lại theo Điều 5 chỉ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4. Trong khi đó, khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 82/2023/NĐ-CP) cho phép cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí được khấu trừ theo tỷ lệ xác định tại Điều 5. Đây là thay đổi căn bản nhất của Nghị định số 362/2025/NĐ-CP về đối tượng được để lại tiền phí.

Thư viện tỉnh Lạng Sơn là **đơn vị sự nghiệp công lập** (điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP) nên vẫn thuộc đối tượng được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được theo khoản 2 Điều 4 Nghị định này. Do đó, thay đổi nêu trên không làm mất cơ sở pháp lý của cơ chế để lại tiền phí quy định tại Nghị quyết.

(iii) Về căn cứ tính số tiền phí được để lại. Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết quy định đơn vị tổ chức thu phí được trích để lại 90% trên "tổng số phí thu được". Điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định: "Số tiền phí được để lại = Số tiền phí thực thu được x Tỷ lệ để lại". Căn cứ tính tại Nghị quyết không thống nhất với quy định hiện hành, cần được sửa đổi để bảo đảm áp dụng thống nhất.

(iv) Về phạm vi sử dụng và nội dung chi từ số tiền phí được để lại. Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết quy định số tiền phí được để lại dùng "để trang trải cho các hoạt động tổ chức thu phí". Khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP quy định số tiền phí được để lại dùng để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí, trên cơ sở dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, với 02 nhóm nội dung chi: chi thường xuyên (điểm a) và chi nhiệm vụ không thường xuyên (điểm b). Quy định tại Nghị quyết hẹp hơn và chưa phản ánh đủ điều kiện, nội dung chi theo quy định hiện hành, cần được sửa đổi.

(v) Về tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại 90%. Tỷ lệ 90% tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết không phải là tỷ lệ do pháp luật ấn định cứng, mà là kết quả áp dụng công thức xác định tỷ lệ để lại trên cơ sở dự toán thu, chi tại thời điểm năm 2017 theo Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP giữ nguyên bản chất công thức này (tương quan giữa dự toán cả năm về chi phí và dự toán cả năm về phí thu được; tỷ lệ tối đa

không quá 100%), đồng thời bổ sung căn cứ thay thế ("số chi phí dự kiến cần thiết", "số phí dự kiến thu được") và quy định khi điều chỉnh tỷ lệ để lại phải căn cứ số liệu thu, chi của 03 năm trước liền kề (thay vì 01 năm trước liền kề như trước đây).

Đối chiếu điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP về các trường hợp phải điều chỉnh tỷ lệ để lại (chính sách của Nhà nước thay đổi; số tiền phí được để lại không đủ bảo đảm chi phí; tồn dư sử dụng không hết chuyển từ năm trước sang năm sau qua các năm) với số liệu thu, chi 03 năm trước liền kề nêu tại điểm b trên đây: số tiền phí được để lại đã được sử dụng hết trong từng năm, không phát sinh tồn dư; cũng chưa ghi nhận trường hợp số tiền phí được để lại không đủ bảo đảm chi phí. Như vậy, chưa phát sinh căn cứ thực tiễn để điều chỉnh mức tỷ lệ 90%. Tỷ lệ cụ thể sẽ được khẳng định lại trong đề án thu phí thư viện sau khi được thẩm định theo Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

(vi) Về đề án thu phí. Yêu cầu xây dựng đề án thu phí không phải là yêu cầu mới phát sinh từ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; nội dung này đã được quy định tại Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Nghị định số 362/2025/NĐ-CP chuyển nội dung này sang điểm a khoản 1 Điều 7 và bổ sung bước thẩm định đề án của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các khoản phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 7). Đây là thủ tục trong quá trình xây dựng, trình ban hành nghị quyết, không phải là nội dung quy định trong Nghị quyết, do đó không làm phát sinh thêm điều, khoản của Nghị quyết cần sửa đổi.

(vii) Về thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

- Về chính sách: Điều 1 Nghị quyết xác lập 03 nhóm chính sách (mức thu; miễn, giảm phí; để lại một phần số tiền phí cho đơn vị tổ chức thu). Cả 03 nhóm tiếp tục có cơ sở pháp lý tại khoản 2 Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; thẩm quyền quy định mức thu, miễn, giảm phí thư viện đối với thư viện thuộc địa phương quản lý vẫn thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (khoản 8 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC). Thay đổi chỉ ở căn cứ và điều kiện xác định lại tỷ lệ để lại, không làm thay đổi bản chất chính sách thu phí thư viện. Kết luận: KHÔNG thay đổi cơ bản về chính sách.

- Về phạm vi điều chỉnh: khoản 1 Điều 1 Nghị quyết xác định phạm vi theo địa bàn cấp tỉnh, không dẫn chiếu tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nên không chịu tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp; Điều 1 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP không thu hẹp, không loại bỏ nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết. Kết luận: KHÔNG thay đổi cơ bản về phạm vi điều chỉnh.

- Về đối tượng áp dụng: người nộp phí (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP) và tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập (điểm b khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP) đều tiếp tục thuộc đối tượng áp dụng của quy định hiện hành; không tác động đến Nghị quyết. Kết luận: KHÔNG thay đổi cơ bản về đối tượng áp dụng.

Như vậy, Nghị quyết không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

(viii) Về thống kê số điều dự kiến sửa đổi, bổ sung so với tổng số điều. Qua rà soát trực tiếp văn bản gốc, Nghị quyết có tổng số 03 điều. Số điều dự kiến sửa đổi, bổ sung về nội dung là 01 điều (Điều 1); Điều 2 là điều khoản đã thi hành xong, không phát sinh nội dung cần sửa đổi; Điều 3 không chồng chéo, mâu thuẫn với quy định pháp luật hiện hành. Tỷ lệ: 01/03 = 33,33%. Một phần hai tổng số điều là 1,5 điều; số điều dự kiến sửa đổi, bổ sung nhỏ hơn ngưỡng này. Do đó, Nghị quyết không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

d) Đánh giá

Qua rà soát, chỉ một phần nội dung của Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND không thống nhất với quy định pháp luật hiện hành và không còn phù hợp. Các nội dung khác của Nghị quyết (phạm vi điều chỉnh, đối tượng thu phí, mức thu phí, đối tượng được giảm, miễn phí, Điều 2 và Điều 3) không chồng chéo, mâu thuẫn với quy định pháp luật hiện hành.

Nghị quyết không thay đổi cơ bản về chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và số điều dự kiến sửa đổi, bổ sung không quá một phần hai tổng số điều; do đó không thuộc trường hợp phải ban hành văn bản thay thế quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Đối chiếu khoản 3 Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, trường hợp này thuộc hình thức xử lý sửa đổi, bổ sung văn bản.

Mức độ: *sửa đổi, bổ sung (không thay thế).*

2. Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

a) Tóm tắt nội dung Nghị quyết

Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Mức thu cấp lần đầu: từ 800.000 đồng đến 2.000.000 đồng/giấy chứng nhận (tùy số lượng môn thể thao đăng ký kinh doanh). Mức thu cấp lại: từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng/giấy chứng nhận đối với trường hợp mất, hư hỏng, thay đổi tên, địa chỉ trụ sở hoặc thay đổi địa điểm kinh doanh; riêng trường hợp điều chỉnh tăng danh mục thể thao kinh doanh, mức thu bằng 50% mức thu cấp lần đầu tương ứng với số lượng môn đăng ký (Điều 2 khoản 2 điểm c). Tỷ lệ phí để lại: 90% cho đơn vị tổ chức thu (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), 10% nộp ngân sách nhà nước.

b) Tình hình thực hiện

Kết quả thực hiện Nghị quyết từ khi có hiệu lực (20/12/2021) đến hết 5 tháng đầu năm 2026 như sau:

- ***Về số lượng hồ sơ***: Tổng cộng 14 hồ sơ, cụ thể: năm 2022: 06 hồ sơ cấp

mới; năm 2023: 04 hồ sơ cấp mới; năm 2024: 03 hồ sơ cấp mới; năm 2025: 01 hồ sơ cấp lại; 5 tháng đầu năm 2026: chưa phát sinh hồ sơ.

- ***Về kết quả thu phí***: Tổng thu phí: 11.200.000 đồng. Trích nộp ngân sách nhà nước (10%): 1.120.000 đồng. Trích để lại đơn vị (90%): 10.080.000 đồng.

- ***Nhận xét***: Số lượng hồ sơ phát sinh ít do tính chất đặc thù của lĩnh vực; mức thu phù hợp; việc thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đúng quy định.

c) Các vấn đề phát hiện qua rà soát

- ***Về căn cứ pháp lý***: Nghị quyết được ban hành căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ. Nghị định này đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

- ***Về dẫn chiếu nội dung***: Tại điểm b Điều 3 Nghị quyết có dẫn chiếu Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP về quản lý, sử dụng phí. Nội dung dẫn chiếu này cần được cập nhật thành Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

- Về các nội dung khác: Mức thu, đối tượng thu, tỷ lệ phí để lại tại Nghị quyết vẫn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, không chồng chéo, mâu thuẫn với Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

d) Đánh giá

Nội dung cơ bản của Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND vẫn phù hợp; chỉ cần cập nhật căn cứ pháp lý ban hành và dẫn chiếu nội dung. Mức độ: sửa đổi, bổ sung (không thay thế).

3. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 23/7/2024 của HĐND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

a) Tóm tắt nội dung Nghị quyết

Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Phạm vi điều chỉnh: Di tích Nhị Thanh, Di tích Tam Thanh (phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn) và Di tích danh lam thắng cảnh Đồng Lâm (xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng). Mức thu: 20.000 đồng/người/lượt (từ đủ 16 tuổi trở lên), 10.000 đồng/người/lượt (từ 11 đến dưới 16 tuổi), miễn phí (dưới 11 tuổi). Tỷ lệ phí để lại: 90% cho đơn vị tổ chức thu (UBND phường, xã), 10% nộp ngân sách nhà nước.

b) Tình hình thực hiện

- ***Đối với UBND xã Hữu Liên***: UBND xã đã ban hành Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Hữu Liên; Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 30/9/2025 về việc thu phí danh lam tại di tích thắng cảnh Đồng Lâm xã Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn. Để tạo nguồn thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí về bảo quản, tu bổ, phục hồi và quản lý đối với danh lam thắng cảnh và bù đắp chi phí cho hoạt động thu phí, góp phần phát triển công tác du lịch - dịch vụ của xã, nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ khách tham quan. Trong năm qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết 09/2024/NQ-

HĐND ngày 25/7/2024 của HĐND tỉnh mặc dù đã được UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện đồng bộ. Tuy nhiên do một số điều kiện khách quan nên Ban quản lý chưa thực hiện việc thu phí đối với danh lam thắng cảnh Đồng Lâm.

- Đối với UBND phường Tam Thanh: Không gửi báo cáo (tính đến 16h00 ngày 20/5/2026).

c) Các vấn đề phát hiện qua rà soát

- Về căn cứ pháp lý: Nghị quyết được ban hành căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ. Cả hai Nghị định này đều đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

- Về dẫn chiếu nội dung: Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết có dẫn chiếu Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP. Các nội dung dẫn chiếu này cần được cập nhật thành Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

- Về phạm vi điều chỉnh: Tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết quy định phạm vi điều chỉnh gồm "Di tích Nhị Thanh, Di tích Tam Thanh (phường Tam Thanh, **thành phố** Lạng Sơn) và Di tích danh lam thắng cảnh Đồng Lâm (xã Hữu Liên, **huyện Hữu Lũng**)". Thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp, các từ **"thành phố"** và **"huyện Hữu Lũng"** không còn phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính hiện hành, cần được bãi bỏ.

d) Đánh giá

Nội dung Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND cần sửa đổi trên cả ba phương diện: căn cứ pháp lý ban hành (hai Nghị định hết hiệu lực), dẫn chiếu nội dung (Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP), và phạm vi điều chỉnh (tên địa danh hành chính). Nguyên nhân bao gồm cả yếu tố pháp lý (căn cứ hết hiệu lực, dẫn chiếu không còn phù hợp) và yếu tố thực tiễn (sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp). Mức độ: sửa đổi, bổ sung.

III. Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ VIỆC TIẾP THU, GIẢI TRÌNH

Thực hiện Công văn số 7474/VP-KTTH của Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có Công văn số 2495/SVHTTDL-VP ngày 19/8/2026 gửi Sở Tư pháp, Sở Tài chính xin ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các Nghị quyết. Kết quả và việc tiếp thu, giải trình như sau:

1. Ý kiến của Sở Tư pháp (Công văn số 2783/STP-NVI ngày 26/8/2026) và việc tiếp thu, giải trình

Ý kiến của Sở Tư pháp	Tiếp thu / Không tiếp thu	Nội dung tiếp thu, giải trình
Mục 1 - Về tính hợp pháp: căn cứ ban hành Nghị quyết hết hiệu lực là căn cứ để tiến hành rà	**Tiếp thu**	Tiếp thu toàn bộ. Mục c khoản 1 phần II Báo cáo đã rà soát theo Điều 37 đến Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP và chỉ ra các nội dung cụ thể

Ý kiến của Sở Tư pháp	Tiếp thu / Không tiếp thu	Nội dung tiếp thu, giải trình
soát, không đương nhiên làm phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị quyết, đề nghị rà soát theo quy định tại các Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, trên cơ sở kết quả rà soát, chỉ đề xuất hình thức xử lý phù hợp khi xác định nội dung của Nghị quyết chồng chéo, mâu thuẫn với quy định pháp luật hiện hành, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế – xã hội.		không thống nhất, không còn phù hợp: căn cứ tính số tiền phí được để lại; phạm vi sử dụng số tiền phí được để lại. Hình thức xử lý chỉ được đề xuất sau khi trình bày đầy đủ kết quả rà soát tại các điểm (vii) và (viii), không dựa trên lý do căn cứ ban hành đã hết hiệu lực.
Mục 2 - Về hình thức xử lý: Theo Khoản 6 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định "6. Văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung của nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan, người có thẩm quyền ban hành."	**Tiếp thu**	Tiếp thu. Nội dung này được thể hiện tại khoản 2 phần IV Báo cáo. Do cả 03 Nghị quyết đều được đề xuất xử lý ở mức sửa đổi, bổ sung nên có thể xem xét gộp chung trong một nghị quyết sửa đổi, bổ sung; Báo cáo trình bày 02 phương án để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
Mục 3 - Về Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND: Sở Tư pháp nhất trí với đề xuất của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu xây dựng Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND.	**Tiếp thu một phần và giải trình**	**Tiếp thu:** đã rà soát nội dung Nghị quyết và xác định hình thức xử lý theo đúng Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. **Giải trình:** kết quả rà soát bổ sung cho thấy Nghị quyết không thuộc điểm a khoản 4 Điều 8 (không thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng) và không thuộc điểm b khoản 4 Điều 8 (01/03 điều = 33,33%, nhỏ hơn một phần hai) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 - là hai trường hợp áp dụng hình thức thay thế theo khoản 2 Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Chỉ một phần nội dung không thống nhất, không còn phù hợp nên thuộc khoản 3 Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP. Việc điều chỉnh hình thức xử lý chính là kết quả áp dụng nguyên tắc do Sở Tư pháp nêu tại mục 1 và quy trình tại Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP mà Sở Tư pháp đề nghị áp dụng, không trái với ý kiến của Sở Tư pháp.
Mục 4 - Nội dung cần lưu ý: Nghiên cứu trình tự, thủ tục rút gọn quy định từ Điều 14 đến Điều 17 Mục 5 Chương II Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	**Tiếp thu**	Tiếp thu. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ nghiên cứu áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung (khoản 2 phần IV Báo cáo).

2. Ý kiến của Sở Tài chính (Công văn số 5381/STC-QLG&CS ngày 22/8/2026)

Sở Tài chính nhất trí với nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch tại Công văn số 2495/SVHTTDL-VP ngày 19/8/2026 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp thu ý kiến nhất trí của Sở Tài chính.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất xử lý từng Nghị quyết

a) Đối với Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND: *đề xuất SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (không thay thế)*

**** Nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung:***

(i) Cập nhật phần căn cứ ban hành: thay Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 bằng Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; thay Nghị định số 120/2016/NĐ-CP bằng Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; thay khoản 9 Điều 2 Thông tư số 250/2016/TT-BTC bằng khoản 8 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC. Nội dung này không tính vào tỷ lệ số điều sửa đổi, bổ sung.

(ii) Sửa đổi khoản 5 Điều 1: diễn đạt lại căn cứ tính số tiền phí được để lại là "số tiền phí thực thu được" theo điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; xác định phạm vi sử dụng số tiền phí được để lại là "trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí" theo khoản 2 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; khẳng định lại tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại trên cơ sở đề án thu phí đã được thẩm định.

(iii) Bổ sung quy định về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí vào Điều 1 theo hướng dẫn chiếu Nghị định số 362/2025/NĐ-CP, bao gồm quyết toán thu, chi và xử lý số tiền phí được để lại chưa chi hết theo khoản 3 Điều 5.

(iv) Rà soát các dẫn chiếu tại khoản 4 Điều 1 (Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ; Luật Người cao tuổi). Trường hợp các văn bản còn hiệu lực thì giữ nguyên nội dung khoản 4.

b) Đối với Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND: Đề xuất sửa đổi, bổ sung. Nội dung cụ thể: (i) cập nhật căn cứ pháp lý ban hành: thay Nghị định số 120/2016/NĐ-CP bằng Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; (ii) sửa dẫn chiếu tại điểm b Điều 3: thay "Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP" bằng "Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP".

c) Đối với Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND: Đề xuất sửa đổi, bổ sung. Nội dung cụ thể: (i) cập nhật căn cứ pháp lý ban hành: thay Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và Nghị định số 82/2023/NĐ-CP bằng Nghị định số 362/2025/NĐ-CP; (ii) sửa dẫn chiếu tại khoản 2 Điều 4: thay "Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP" và "khoản 4 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP" bằng "Điều 5 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP"; (iii) sửa khoản 1 Điều 1: bãi bỏ cụm từ

"thành phố" (trước "Lạng Sơn") và cụm từ "huyện Hữu Lũng" cho phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

2. Về hình thức ban hành

Căn cứ khoản 6 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 *("6. Văn bản quy phạm pháp luật có thể được ban hành để đồng thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ nội dung của nhiều văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.")*, và ý kiến của Sở Tư pháp tại mục 2 Công văn số 2783/STP-NVI ngày 26/8/2026, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất hình thức ban hành như sau:

a) Xây dựng 01 nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung đồng thời Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND; trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng 10 năm 2026, theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định từ Điều 14 đến Điều 17 Mục 5 Chương II Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND: xây dựng nghị quyết sửa đổi, bổ sung riêng sau khi đề án thu phí thư viện được thẩm định theo Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP.

Lý do đề xuất: nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND chỉ gồm cập nhật căn cứ pháp lý ban hành, dẫn chiếu nội dung và tên địa danh hành chính; không điều chỉnh mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại, nên có thể triển khai ngay. Riêng Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND có nội dung sửa đổi khoản 5 Điều 1, trong đó tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cần được khẳng định lại trên cơ sở đề án thu phí thư viện đã được thẩm định. Việc tách riêng bảo đảm tiến độ xử lý 02 Nghị quyết không phụ thuộc vào thời gian hoàn thành, thẩm định đề án thu phí thư viện.

3. Kiến nghị UBND tỉnh

Trên cơ sở kết quả rà soát, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác định hình thức xử lý đối với cả 03 Nghị quyết là sửa đổi, bổ sung. Hình thức ban hành được lựa chọn như sau: ban hành 01 nghị quyết sửa đổi, bổ sung đồng thời Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND; Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND được sửa đổi, bổ sung bằng nghị quyết riêng sau khi đề án thu phí thư viện được thẩm định. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Đồng ý với kết quả rà soát, hình thức xử lý và hình thức ban hành nêu tại Báo cáo này; trong đó, đối với Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND, điều chỉnh hình thức xử lý từ "thay thế" (đã đề xuất tại Báo cáo số 415/BC-SVHTTDL ngày 31/8/2026) thành "sửa đổi, bổ sung".

b) Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung đồng thời Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND. Dự thảo được xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định từ Điều 14 đến Điều 17 Mục 5 Chương II Quyết định số 60/2025/QĐ-

UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong tháng 10 năm 2026.

c) Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Thư viện tỉnh Lạng Sơn xây dựng đề án thu phí thư viện theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP và tổ chức thẩm định đề án theo khoản 2 Điều 7 Nghị định này. Trên cơ sở đề án đã được thẩm định, Sở chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND.

d) Trong thời gian chưa ban hành các nghị quyết sửa đổi, bổ sung: mức thu phí tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết hiện hành; việc khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 362/2025/NĐ-CP, căn cứ khoản 6 Điều 6 Nghị định này.

Trên đây là Báo cáo rà soát các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch kèm đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế (thay thế Báo cáo số 415/BC-SVHTTDL ngày 31/8/2026). Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Thư viện tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP(KGT).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH LẠNG SƠN

Dương Minh Tuệ